

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2018
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Báu.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thọ

Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 713/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường X, Phường F, thành phố Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị H1 - Văn phòng Luật sư T, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Hoàng Đặng Hữu N2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T 1, xã X, thành phố Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết H2 - Văn phòng Luật sư A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N1, ông N2, Luật sư H1 và Luật sư H2 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông N2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Trường, thành phố Đ vào ngày 15/10/2012. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ: Thôn T 1, xã X, thành phố Đ. Sau đó vợ chồng chuyển về ở trọ tại địa chỉ: Đường L, Phường E, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xô xát. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2017. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà N1 đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hoàng Đăng Hữu N2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2013. Hiện nay đang ở cùng ông N2, khi ly hôn bà N1 yêu cầu được trực tiếp, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành. Bà N1 không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N2 thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như lời trình bày của bà N1 là đúng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N1 ngoại tình với ông Tào Tấn B, cư trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Ông N2 đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà N1 vẫn không thay đổi, bà N1 bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017. Nay bà N1 khởi kiện xin ly hôn thì ông N2 không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2013. Hiện nay đang ở cùng ông N2, khi ly hôn ông N2 yêu cầu được trực tiếp, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành. Ông N2 không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thị H1 phát biểu ý kiến cho rằng: Về quan hệ hôn nhân do hai bên bỏ mặc, không quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N1 đối với ông N2. Về con chung cháu Hoàng Nguyễn Bảo T còn nhỏ là con gái cần sự chăm sóc của mẹ nên đề nghị

giao con chung cho bà N1 chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N1 không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Nguyễn Thị Tuyết H2 phát biểu ý kiến cho rằng: Thời gian sống chung vợ chồng không xảy ra xô xát vợ chồng sống rất hạnh phúc. Chỉ khi bà N1 ngoại tình thì lúc này vợ chồng mới xảy ra xô xát và đây cũng chỉ là nhất thời. Do vậy, đề nghị Tòa án cho vợ chồng thời gian để hàn gắn. Về con chung hiện nay ông N2 có việc làm ổn định đã được UBND nơi cư trú xác nhận nuôi con tốt. Mặt khác con chung đã sống chung với ông N2 một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giao con chung cho ông N2 chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N2 không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; về nội dung giải quyết vụ án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N1 về việc xin ly hôn ông Hoàng Đăng Hữu N2; giao con chung cho ông Hoàng Đăng Hữu N2 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị N1 và ông Hoàng Đăng Hữu N2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Trường, thành phố Đ vào ngày 15/10/2012, hôn nhân tự nguyện; bà N1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xô xát; ông N2 thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bà N1 ngoại tình.

[2] *Hội đồng xét xử xét thấy:* Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N1 và ông N2 là có xảy ra trên thực tế. Ông N2 cũng thừa nhận giữa đã có lần tát bà N1 và vợ chồng đã xảy ra xô xát. Mặt khác ông N2 cho rằng bà N1 ngoại tình với ông Tào Tấn B, cư trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên ông Ngô Đức A là Tổ trưởng Tổ dân phố L cho biết bà Nguyễn Thị N1 là nhân viên của ông Tào Tấn B làm việc tại địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quan hệ giữa bà Nguyễn Thị N1 và ông Tào Tấn B như thế nào thì ông A không rõ. Ngoài ra Ủy ban nhân dân thị trấn L cũng không nhận

được đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bà N1 vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Do vậy việc ông N2 cho rằng bà N1 ngoại tình là không có cơ sở. Theo trình bày bà N1 và ông N2 thừa nhận đã ly thân từ tháng 9 năm 2017. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn. Vì vậy có kéo dài cuộc sống chung thì vợ chồng cũng không có H1 phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà N1 được ly hôn với ông N2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2013. Hiện cháu T đang sống cùng ông N2 và ông N2 cũng có việc làm và nơi cư trú ổn định. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ em nên giao con chung cho ông N2 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do ông N2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Bà N1 xác định không có, còn ông N2 không yêu cầu nên không xét đến.

[5] *Về nợ chung*: Các bên xác định không có nên không xét đến.

Về án phí: Buộc bà N1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1 về việc “Xin ly hôn” ông Hoàng Đăng Hữu N2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N1 và ông Hoàng Đăng Hữu N2 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2013 cho ông Hoàng Đăng Hữu N2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004270 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ (bà N1 đã nộp đủ).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Báu